

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Người vay vốn;
- Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH;
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Vùng khó khăn

2.1. Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh bao gồm:

a) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục các đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng thời kỳ;

b) Các huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nhưng thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng thời kỳ;

c) Các thôn không thuộc các xã quy định tại tiết a điểm này nhưng thuộc Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do cấp có thẩm quyền ban hành cho từng thời kỳ.

2.2. Các đơn vị hành chính thành lập trên cơ sở chia, tách, sáp nhập các đơn vị hành chính thuộc các Danh mục nêu tại điểm 2.1 khoản này cũng được hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

3. Đối tượng được vay vốn

Các hộ gia đình theo quy định của pháp luật (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm tại vùng khó khăn theo quy định tại khoản 2 và đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại khoản 4 văn bản này (sau đây gọi chung là người vay vốn).

4. Điều kiện được vay vốn

4.1. Người vay vốn phải có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Ủy ban nhân dân (UBND) xã nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh xác nhận.

4.2. Đại diện người vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

4.3. Người vay vốn cư trú hợp pháp tại nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.

4.4. Người vay vốn không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4.5. Người vay vốn không có dư nợ tại NHCSXH đối với các chương trình như sau:

a) Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định của pháp luật về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

b) Chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo quy định của pháp luật về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Các chương trình tín dụng cho vay khác đối với hộ gia đình để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Nguyên tắc vay vốn

5.1. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 6 văn bản này.

5.2. Người vay vốn phải trả nợ gốc và lãi đúng hạn trên Sổ vay vốn đã thỏa thuận với NHCSXH.

5.3. Người vay vốn có thể vay đầu tư một hoặc nhiều lần để mở rộng phương án cũ đang thực hiện hoặc có thêm phương án mới nhưng tổng dư nợ cho một hộ gia đình vay vốn tại một thời điểm không vượt quá mức vay tối đa tại khoản 8 văn bản này.

6. Mục đích sử dụng vốn vay

6.1. Mua sắm vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất; cây trồng, vật nuôi; sửa chữa, xây dựng mới nhà xưởng sản xuất, kinh doanh; xây dựng và cải tạo đồng ruộng, trang trại chăn nuôi; các nhu cầu về vệ sinh môi trường; thanh toán tiền thuê nhân công và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

6.2. Góp vốn thực hiện các dự án hoặc phương án hợp tác sản xuất, kinh doanh.

6.3. Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thấp sáng và đào tạo tay nghề có liên quan mật thiết đến dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.

7. Phương thức cho vay

NHCSXH thực hiện phương thức cho vay có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của NHCSXH.

8. Mức vốn cho vay

Mức vốn cho vay tối đa 100 triệu đồng/người vay vốn.

9. Lãi suất cho vay

9.1. Lãi suất cho vay bằng 9%/năm.

9.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

10. Thời hạn cho vay

10.1. Thời hạn cho vay bao gồm: cho vay ngắn hạn, cho vay trung hạn và cho vay dài hạn.

a) Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.

b) Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng đến 60 tháng.

c) Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 60 tháng.

10.2. Thời hạn cho vay của từng dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh do NHCSXH nơi cho vay quyết định, phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của người vay vốn và chu kỳ sản xuất, kinh doanh của từng dự án hoặc phương án vay vốn.

11. Bảo đảm tiền vay

Người vay vốn không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

12. Hồ sơ vay vốn

12.1. Hồ sơ do người vay vốn lập

a) Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD đính kèm văn bản này);

b) Giấy ủy quyền (mẫu số 01/GUQ nếu có).

12.2. Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

a) Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD);

b) Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

12.3. Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

a) Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) phân phê duyệt của ngân hàng;

b) Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

12.4. Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, người vay vốn cùng lập: Sổ vay vốn.

13. Quy trình cho vay

13.1. Người vay vốn

Người vay vốn lập 01 liên giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và giấy ủy quyền (mẫu số 01/GUQ nếu có) gửi Tổ TK&VV nơi người vay vốn đang cư trú hợp pháp.

13.2. Tại Tổ TK&VV

a) Tổ TK&VV tổ chức họp bình xét cho vay dưới sự giám sát, chứng kiến của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và người đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã). Trường hợp người vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên.

b) Lập danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm bộ hồ sơ vay vốn của người vay và biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD) trình UBND cấp xã.

13.3. Tại UBND cấp xã

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn của người vay, danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH do Tổ TK&VV gửi tới, UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận trên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01/TD) và mẫu 03/TD sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

d) Tại NHCSXH nơi cho vay

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD cho UBND cấp xã để thông báo cho người vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc Điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

14. Giải ngân

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn đã được phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho người vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thanh toán của người vay.

15. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, thu nợ, thu lãi

15.1. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

- a) Đối với cho vay ngắn hạn: trả nợ gốc một lần khi đến hạn.
- b) Đối với cho vay trung và dài hạn: kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 6 tháng/lần kể từ ngày người vay vốn nhận tiền vay.
- c) Trả lãi: định kỳ trả lãi theo tháng.

15.2. Trường hợp người vay vốn chưa trả được nợ gốc phân kỳ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo nhưng không quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

15.3. Thu nợ, thu lãi

- a) NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo quy định hiện hành.
- b) Người vay vốn có thể trả nợ trước hạn.
- c) Trường hợp người vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

16. Kiểm tra, giám sát

16.1. Thực hiện theo các quy định về quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát hoạt động nhận ủy thác cho vay. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

16.2. Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, người vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng tiền vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

17. Xử lý nợ

17.1. Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, người vay chưa có khả năng trả được nợ và có nhu cầu xin gia hạn nợ thì viết giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu 09A/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét cho gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá thời hạn cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đã được ghi trong Sổ vay vốn đối với cho vay trung và dài hạn.

17.2. Chuyển nợ quá hạn

a) Đối với trường hợp người vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD), trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay, NHCSXH nơi cho vay đơn đốc thu hồi, nếu người vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

b) Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Sổ vay vốn, nếu người vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn đồng thời tiến hành đơn đốc thu hồi nợ.

c) Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn cho khách hàng (mẫu số 14/TD). Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

18. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

19. Hạch toán kế toán và lưu trữ hồ sơ vay vốn

Công tác hạch toán kế toán và lưu trữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

20. Chế độ báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

21. Tổ chức thực hiện

Chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố và Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có danh mục vùng khó khăn theo quy định tại khoản 2 văn bản này có trách nhiệm:

21.1. Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về việc triển khai thực hiện Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản có liên quan;

21.2. Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về chính sách cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện, NHCSXH nơi cho vay thường xuyên rà soát danh mục vùng khó khăn theo quy định tại khoản 2 văn bản này, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện việc khai báo và cấu hình danh mục vùng khó khăn lên hệ thống Intellect để thực hiện cho vay đảm bảo đúng quy định.

21.3. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

21.4. NHCSXH không được cho vay những phương án sản xuất, kinh doanh những ngành, nghề bị cấm đầu tư kinh doanh (hiện nay được quy định tại Luật Đầu tư năm 2020). Trong quá trình thực hiện, NHCSXH nơi cho vay thường xuyên rà soát quy định của pháp luật về danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện để cho vay đảm bảo đúng quy định.

22. Hiệu lực thi hành

22.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/8/2023 và thay thế văn bản số 677/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng Giám đốc hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn; văn bản số 3791/NHCS-TDSV ngày 20/6/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ tín dụng tại vùng khó khăn. Các nội dung trái với nội dung văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

22.2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với các khoản vay đã được NHCSXH phê duyệt cho vay trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định tại văn bản số 677/NHCS-TD và các văn bản khác có liên quan.

b) Trường hợp người vay vốn đang vay vốn tại NHCSXH nay không còn thuộc vùng khó khăn theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 văn bản này thì tiếp tục thực hiện theo các cam kết, quyền hạn, trách nhiệm với NHCSXH cho đến khi kết thúc nghĩa vụ trả nợ.

22.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của

pháp luật hiện hành thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

22.4. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định. Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết./. *my*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ LĐTB&XH;
- Hội LHPN, HCC, HND, ĐTN (để p/hợp);
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các cấp;
- TGD, TBKS HĐQT;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

} đề b/cáo

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Thuận



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
Chương trình cho vay:

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Họ tên người vay:..... Năm sinh:
- Số CMND: ngày cấp: /..... /....., nơi cấp:
 - Địa chỉ cư trú: thôn; xã huyện
 - Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.
 - Thuộc tổ chức Hội: quản lý.

2. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền:..... đồng
(Bằng chữ.....)

Để thực hiện phương án:.....

Tổng nhu cầu vốn:..... đồng. Trong đó:

+ Vốn tự có tham gia:..... đồng.

+ Vốn vay NHCSXH:..... đồng để dùng vào việc:

| Đối tượng | Số lượng | Thành tiền |
|------------------|-----------------|-------------------|
| | | |
| | | |
| | | |

- Thời hạn vay vốn: tháng; Kỳ hạn trả nợ: tháng/lần.

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....

Chúng tôi cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của UBND cấp xã
Ông/bà.....
có phương án sản xuất kinh doanh được
thực hiện tại địa phương./.

Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng năm

Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên
hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)
2. Lãi suất:%/năm. Lãi suất nợ quá hạn:% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.
4. Số tiền trả nợ: đồng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)